TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST Ngày 27-6-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Xuân Nhuần

Bà Hoàng Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; đăng ký HKTT: Tổ dân phố số 3 (nay là tổ dân phố N), phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Viết T, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố số 3 (nay là tổ dân phố N), phường N, quận Đ, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 06/3/2023, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Anh T kết hôn do tự nguyện tìm hiểu năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng ngày 20/12/2002. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi, đánh nhau. Nguyên nhân do anh T hay tập trung bạn bè, uống rượu, đánh bạc, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, tác động để anh T thay đổi, nhưng không có kết quả, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống của hai bên không còn phù hợp. Đến giữa năm 2019 mâu thuẫn trở lên căng thẳng nên chị phải mang theo cháu lớn về nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố Đức Hậu, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn ở nhờ, cháu bé ở với anh T tại nhà bố mẹ anh T, anh chị sống ly thân nhau đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh T không gặp gỡ, không liên lạc, không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con gồm cháu Lê Thị Phương T, sinh ngày 24/10/2005 và cháu Lê Thị Khánh L, sinh ngày 07/4/2013. Khi ly hôn, chị nhận nuôi cháu T, đồng ý giao cháu L cho anh T nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/3/2023, bị đơn anh Lê Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh trình bày thống nhất với chị L về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng gia đình anh tại số nhà 61, đường Suối Rồng, tổ dân phố Ngọc Sơn, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, giữa anh với chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân chủ yếu do anh tự thừa nhận có ham chơi cùng các bạn, uống rượu, đánh bạc. Tuy nhiên, khi chị L bỏ đi cũng không nói với anh nên anh không biết lý do như thế nào. Chị đã tự ý bỏ nhà đi đến nay đã được 05 năm. Từ khi chị bỏ đi, anh chị không còn liên lạc, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay chị L làm đơn xin ly hôn với anh, anh chỉ đồng ý nếu chị L giao cả 02 con chung cho anh nuôi, nếu chị L không đồng ý thì chị L tự giải quyết việc ly hôn, anh sẽ không đến Tòa và cũng sẽ không ký thủ tục để chị L ly hôn. Trường hợp chị L muốn quay về sống cùng anh thì anh cũng không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con như chị trình bày. Anh nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, theo lời trình bày và yêu cầu của chị L: Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đối với đại diện gia đình chị L, đại diện chính quyền địa phương về đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và các vấn đề khác có liên quan giữa chị L, anh T thể hiện: Anh chị kết hôn năm 1999, do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng ngày 20/12/2002. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn nhiều lần, kéo dài trong nhiều năm, sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, không có trách nhiệm gì với nhau. Khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị L có đơn đề nghị không hoà giải với lý do chị mới bị tai nạn, sức khoẻ yếu và Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không chấp hành, không đến Toà án, đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị. Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị L, anh T đều đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Chị L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung, tài sản, công nợ chung chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn xin ly hôn và bản tự khai đã nộp đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng là không thực hiện quyền, không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Anh T.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Phương Thảo, sinh ngày 24/10/2005 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thị Khánh Linh, sinh ngày 07/4/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và tài sản, công nợ chung: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện, yêu cầu xin ly hôn, nhận nuôi 01 con chung sau khi ly hôn đối với bị đơn anh Lê Anh T có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố Ngọc Sơn, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; anh T không đồng ý ly hôn, nhận nuôi cả 02 con chung sau khi ly hôn. Xác định: Đây là loại vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn như đề nghị của Kiểm sát viên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại chính quyền

địa phương và đại diện gia đình chị L, thể hiện: Chị L kết hôn với anh T do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng ngày 20/12/2002. Như vậy, hôn nhân giữa hai anh chị L hôn nhân hợp pháp. Đánh giá chung, mâu thuẫn giữa chị L và anh T kéo dài nhiều năm, đến giữa năm 2019 trở lên căng thẳng, anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thừa nhận có mải chơi, hay tập trung cùng bạn uống rượu, đánh bạc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L mang theo cháu T bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhờ từ giữa năm 2019, cháu L ở với anh T tại nhà bố mẹ đẻ anh T, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, có đủ cơ sở để xác định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L có căn cứ, cần được chấp nhận. Nên xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con gồm cháu Lê Thị Phương Thảo, sinh ngày 24-10-2005, cháu Lê Thị Khánh Linh, sinh ngày 07-4-2013. Xét nguyện vọng của chị L nhận nuôi cháu T, đồng ý để anh T nuôi cháu L; anh T nhận nuôi cả 02 con. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Sơn và đại diện gia đình, thể hiện: Chị L có chỗ ở là nhà của cha mẹ đẻ, có việc làm công nhân tại Công ty, thu nhập ổn định; anh T có chỗ ở là nhà của cha mẹ đẻ, có việc làm lao động tự do, có thu nhập. Khi anh chị sống ly thân, mỗi người nuôi 01 con, các cháu đều được nuôi dưỡng đảm bảo, đầy đủ điều kiện cho các cháu sinh hoạt, học tập và chỗ ở ổn định. Anh chị đều đủ điều kiện để mỗi người nuôi dưỡng 01 con. Cháu T có nguyện vọng được ở với chị L. Để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và các quy định của pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Anh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Phương Thảo, sinh ngày 24/10/2005 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Lê Thị Khánh Linh, sinh ngày 07/4/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002701 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chị L, anh T đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

Nguyễn Đức Hoàng